

PRESERVING AND DEVELOPING THE CULTURE
OF ETHNIC MINORITIES IN THE NEW ERANguyen Duy Dung^aHoang Duc Thanh^b^aJournal of Ethnic and Religious Research,
Ministry of Ethnic and Religious Affairs

Email: dungnd@hvd.edu.vn

^bNational Defense Academy,
Ministry of National Defense

Email: thanhhanh481@gmail.com

Article History

Received: 06/7/2025

Reviewed: 26/7/2025

Revised: 20/8/2025

Accepted: 23/9/2025

Released: 30/9/2025

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.p2025.v1.i3.a55>^aORCID iD: <https://orcid.org/0009-0003-2881-4567>^bORCID iD: <https://orcid.org/0009-0008-5540-3727>

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh thế giới đang bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên của toàn cầu hóa sâu rộng, chuyển đổi số nhanh chóng và những biến động mang tính hệ thống do biến đổi khí hậu, xung đột địa chính trị và khủng hoảng văn hóa - vấn đề bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số nổi lên như một thách thức kép: vừa mang tính cấp bách, vừa đòi hỏi cách tiếp cận liên ngành, toàn diện và bền vững.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với 54 tộc người, trong đó 53 dân tộc thiểu số cư trú rải rác ở nhiều vùng miền, chủ yếu ở khu vực miền núi, biên giới và vùng sâu, vùng xa. Những cộng đồng này đã hình thành, phát triển và lưu giữ một kho tàng văn hóa vô cùng phong phú, bao gồm ngôn ngữ, tín ngưỡng, phong tục tập quán, tri thức truyền thống địa phương và nghệ thuật dân gian, tất cả tạo nên một phần không thể tách rời của bản sắc văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, trong dòng chảy mạnh mẽ của hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, các giá trị văn hóa truyền thống này đang đứng trước nguy cơ mai một, đồng hóa hoặc biến dạng nghiêm trọng.

Thực tế cho thấy, nhiều biểu hiện của sự suy giảm văn hóa tộc người thiểu số đã và đang diễn ra như sự mất dần ngôn ngữ mẹ đẻ, đứt gãy trong truyền thừa các tri thức truyền thống địa phương, sự mai một

Abstract:

In the context of increasingly deep globalization and digital transformation, the culture of ethnic minorities is facing challenges. On the one hand, the modernization process brings opportunities for exchange and development; on the other hand, it also poses the risk of fading, assimilation or even disappearance of many traditional cultural values. This article aims to analyze the current situation, point out the factors affecting the preservation and development of ethnic minority culture in the new era, and propose some feasible and sustainable solutions.

Keywords: Cultural preservation; Cultural development; Ethnic minorities; New Era.

các hình thức sinh hoạt cộng đồng và hiện tượng “du lịch hóa” văn hóa khiến nhiều yếu tố văn hóa bị trình diễn hóa, phi bản chất. Những hiện tượng này không chỉ dẫn đến sự nghèo hóa về mặt văn hóa, mà còn làm xói mòn căn tính, giảm sút năng lực nội sinh của các cộng đồng thiểu số trong quá trình phát triển.

Trong khi đó, các chiến lược và chính sách bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số hiện hành, dù đã có nhiều nỗ lực, vẫn chưa thực sự đặt cộng đồng vào vai trò trung tâm, chưa khai thác triệt để lợi thế của công nghệ số và chưa tạo lập được một mô hình bảo tồn và phát triển văn hóa bền vững gắn với sinh kế và quyền văn hóa của người dân. Chính vì vậy, việc nhận diện đúng bản chất của vấn đề, phân tích các nhân tố tác động và đề xuất các giải pháp có tính hệ thống, bền vững và thích ứng với bối cảnh mới là một yêu cầu mang tính cấp thiết cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, bài viết này hướng tới mục tiêu phân tích những thách thức và cơ hội trong bảo tồn và phát triển văn hóa các tộc người thiểu số Việt Nam trong kỷ nguyên mới, từ đó đề xuất một số định hướng và giải pháp khả thi nhằm bảo vệ tính đa dạng văn hóa như một nền tảng cho phát triển bền vững, công bằng và bao trùm trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

2. Tổng quan nghiên cứu

Chủ đề bảo tồn và phát triển văn hóa các tộc người thiểu số đã và đang thu hút sự quan tâm mạnh mẽ của giới nghiên cứu trong nước và quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và các khủng hoảng văn hóa - sinh thái đương đại. Các công trình nghiên cứu hiện nay tập trung vào ba hướng chính: Nhận diện và mô tả các giá trị văn hóa truyền thống; Phân tích các yếu tố tác động đến sự biến đổi văn hóa; Đề xuất giải pháp bảo tồn gắn với phát triển bền vững.

2.1. Các hướng tiếp cận lý luận và khái niệm nền tảng

Các nghiên cứu kinh điển trong nhân học văn hóa (Geertz, 1973; Lévi-Strauss, 1966) đã đặt nền tảng cho việc nhìn nhận văn hóa tộc người như một hệ thống biểu tượng có tính cấu trúc và liên kết chặt chẽ với không gian sinh tồn của cộng đồng. Từ đó, các lý thuyết về bản sắc văn hóa (Stuart Hall, 1996), quyền văn hóa (UNESCO, 2001) và phát triển dựa trên cộng đồng (Chambers, 1997; Sen, 1999) đã góp phần tái định hình các cách tiếp cận trong việc bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể.

Gần đây, các học giả như Smith (2006), Waterton (2010) và Byrne (2014) đề xuất cách nhìn phê phán đối với khái niệm “di sản”, nhấn mạnh sự tương tác động giữa quyền lực - bản sắc - kỷ ức, đồng thời cảnh báo nguy cơ “thể chế hóa” và “du lịch hóa” văn hóa địa phương khi các chiến lược bảo tồn không xuất phát từ nội lực cộng đồng.

2.2. Tình hình nghiên cứu quốc tế

Trên thế giới, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa sự suy giảm đa dạng sinh học và sự xói mòn tri thức văn hóa địa phương (Posey, 1999; Berkes, 2012). Các công trình của UNESCO, IWGIA và UNDP đều nhấn mạnh vai trò trung tâm của các cộng đồng dân tộc thiểu số trong việc duy trì tri thức truyền thống địa phương, ngôn ngữ mẹ đẻ và các thực hành văn hóa truyền thống, những yếu tố thiết yếu đối với phát triển bền vững.

Nhiều quốc gia đa tộc người như: Canada, Úc, Bolivia và New Zealand đã có những mô hình lồng ghép thành công giữa bảo tồn văn hóa tộc người và phát triển kinh tế - xã hội. Các mô hình này thường gắn với giáo dục song ngữ, du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng, đồng quản lý tài nguyên và số hóa di sản văn hóa.

2.3. Tình hình nghiên cứu trong nước

Tại Việt Nam, các nghiên cứu của Huy, N.V.(2001, 2016); Chi, T. (1996); Hùng, L.(2009); Sơn, T.H.(2012); Vạn, Đ.N.(2003) đã đóng vai trò nền tảng trong việc ghi nhận, phân tích và diễn giải các yếu tố văn hóa đặc trưng của từng nhóm dân tộc thiểu số. Những công trình này tập trung vào việc

bảo tồn văn hóa phi vật thể như lễ hội, tín ngưỡng, nghệ thuật dân gian, tri thức địa phương và ngôn ngữ dân tộc.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này vẫn còn nghiêng về mô tả và lưu giữ, ít chú trọng đến các phương pháp tiếp cận liên ngành, chưa phân tích sâu tác động của công nghệ số, thị trường hóa văn hóa và các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội đến quá trình biến đổi văn hóa cộng đồng.

Trong giai đoạn gần đây, một số nghiên cứu mới đã bắt đầu tiếp cận vấn đề từ góc độ phát triển bền vững (Hiền, N.T.2019; Hà, T.T.T.2021), chuyển đổi số trong bảo tồn di sản (Tú, P.A.2022) và quyền văn hóa dân tộc thiểu số trong bối cảnh hội nhập (Anh, L.T.V.2020). Tuy vậy, vẫn còn thiếu các nghiên cứu có tính tổng hợp và định hướng chính sách liên ngành trong việc gắn kết bảo tồn văn hóa với sinh kế, giáo dục, quản trị và phát triển không gian số của cộng đồng dân tộc thiểu số.

2.4. Khoảng trống nghiên cứu

Từ tổng quan trên có thể thấy, dù đã có nhiều đóng góp quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn, các nghiên cứu hiện hành vẫn còn những khoảng trống cần tiếp tục khai thác: Thiếu một mô hình tích hợp giữa bảo tồn văn hóa, phát triển sinh kế và ứng dụng công nghệ số trong bối cảnh hiện đại; Chưa có nghiên cứu mang tính đánh giá phản biện về hiệu quả và tác động dài hạn của các chính sách văn hóa đối với cộng đồng dân tộc thiểu số; Vai trò chủ thể của cộng đồng trong việc định hình chiến lược bảo tồn vẫn chưa được thể hiện rõ nét trong nhiều dự án.

Xuất phát từ những khoảng trống đó, bài viết này được thực hiện nhằm đóng góp thêm vào diễn ngôn học thuật đương đại về văn hóa tộc người thiểu số trong kỷ nguyên mới, đồng thời đưa ra những gợi mở chính sách mang tính khả thi và liên ngành, phù hợp với điều kiện Việt Nam.

3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận

Bài viết được xây dựng trên nền tảng các tiếp cận liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là từ các lĩnh vực nhân học văn hóa, phát triển bền vững, lý thuyết bản sắc và quyền văn hóa. Những khung lý thuyết chính bao gồm:

3.1.1. Lý thuyết nhân học văn hóa và tri thức địa phương

Nhân học văn hóa nhìn nhận văn hóa không chỉ là hệ thống biểu tượng, thực hành và giá trị, mà còn là một hình thức tri thức được kiến tạo trong môi trường xã hội - tự nhiên đặc thù. Theo Geertz (1973), văn hóa là “mạng lưới ý nghĩa mà con người tự mình giăng ra và sống trong đó”. Tri thức địa phương (Berkes, 2012), đặc biệt trong các cộng đồng thiểu số là một phần thiết yếu của hệ sinh thái

tri thức toàn cầu và cần được bảo vệ như một loại “tài sản văn hóa sống”.

3.1.2. Lý thuyết về bản sắc văn hóa và đa dạng văn hóa

Stuart Hall (1996) khẳng định, bản sắc không phải là một thực thể cố định, mà là quá trình liên tục kiến tạo trong tương tác với các điều kiện xã hội - lịch sử. Bản sắc văn hóa tộc người, vì vậy, vừa mang tính lịch sử, vừa là một diễn ngôn hiện đại. UNESCO (2001) cũng nhấn mạnh rằng, “đa dạng văn hóa là cần thiết cho loài người như đa dạng sinh học đối với tự nhiên” và việc bảo vệ bản sắc dân tộc thiểu số là một phần trong việc duy trì hệ sinh thái văn hóa toàn cầu.

3.1.3. Lý thuyết phát triển dựa trên quyền và sự tham gia

Tiếp cận phát triển dựa trên quyền (Rights-Based Approach) coi các cộng đồng dân tộc thiểu số là chủ thể có quyền về văn hóa, ngôn ngữ, tri thức và đất đai. Sen (1999) và Chambers (1997) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc trao quyền (Empowerment), đảm bảo sự tham gia thực chất của cộng đồng trong quá trình thiết kế, thực thi và giám sát các chính sách phát triển. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các chiến lược bảo tồn văn hóa thường bị “áp đặt từ bên ngoài”, làm suy yếu vai trò chủ thể của chính cộng đồng.

3.1.4. Tiếp cận bảo tồn thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số

Trong kỷ nguyên số và toàn cầu hóa, các giá trị văn hóa đang chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ công nghệ, truyền thông đại chúng và thị trường. Do đó, lý thuyết về “bảo tồn thích ứng” (Adaptive Conservation) được đưa vào làm cơ sở lý luận bổ sung nhằm định hình những chiến lược bảo tồn không chỉ hướng đến gìn giữ nguyên trạng, mà còn khuyến khích sự thích nghi sáng tạo, đảm bảo tính sống động và khả năng tái sinh của văn hóa trong bối cảnh mới (Byrne, 2014; Smith, 2006).

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết vận dụng phương pháp nghiên cứu định tính làm chủ đạo, kết hợp các kỹ thuật phân tích tài liệu, phân tích diễn ngôn và nghiên cứu điển hình (Case Study), cụ thể:

3.2.1. Phân tích tài liệu thứ cấp

Phân tích hệ thống các tài liệu khoa học, báo cáo chính sách, nghị quyết, công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số, phát triển bền vững, chính sách dân tộc và chuyển đổi số. Các tài liệu từ UNESCO, IWGIA, UNDP, cùng các nghị quyết, chương trình mục tiêu quốc gia của Việt Nam là nguồn tham khảo chủ yếu.

3.2.2. Phân tích diễn ngôn

Phân tích các diễn ngôn chính sách và truyền thông liên quan đến văn hóa dân tộc thiểu số nhằm làm rõ cách thức các quan điểm, định nghĩa và chiến lược bảo tồn được kiến tạo, phân tầng và lan tỏa trong xã hội. Qua đó, bài viết chỉ ra các rào cản tiềm ẩn và nguy cơ tái tạo bất bình đẳng trong quá trình bảo tồn văn hóa.

3.2.3. Nghiên cứu điển hình (Case Study)

Một số điển cứu tiêu biểu được tham chiếu nhằm minh họa cho các mô hình bảo tồn văn hóa thành công hoặc chưa thành công như: Mô hình du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa của người Thái ở Mai Châu (tỉnh Phú Thọ); Số hóa văn hóa Dao đỏ ở tỉnh Lào Cai; Giáo dục song ngữ dân tộc tại vùng Tây Nguyên; Chuyển đổi nghề thủ công truyền thống của người Mông ở tỉnh Tuyên Quang...

3.2.4. Phân tích tổng hợp và biện chứng

Phương pháp tổng hợp và biện chứng được sử dụng để kết nối giữa cơ sở lý luận và dữ liệu thực tiễn, từ đó rút ra các luận điểm có tính chất khái quát và đề xuất giải pháp chính sách mang tính hệ thống, khả thi và phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

4. Nội dung nghiên cứu

4.1. Thực trạng văn hóa tộc người thiểu số trong bối cảnh hiện nay

Văn hóa của các tộc người thiểu số Việt Nam là một hệ thống giá trị được tích lũy và vận hành qua hàng nghìn năm lịch sử, gắn chặt với môi trường sinh thái, cấu trúc xã hội truyền thống và thể giới quan đặc thù của từng cộng đồng. Tuy nhiên, trong những thập niên gần đây, quá trình hiện đại hóa, toàn cầu hóa, cùng với các chuyển đổi về không gian sinh sống, sinh kế và thiết chế quản trị đã tác động mạnh mẽ đến cấu trúc và sinh thái văn hóa của các cộng đồng này. Thực trạng văn hóa tộc người thiểu số hiện nay được biểu hiện trên ba bình diện chính là suy giảm nội lực văn hóa, biến dạng cấu trúc văn hóa truyền thống và gia tăng sự phụ thuộc vào các cơ chế bảo tồn bên ngoài.

4.1.1. Suy giảm nội lực văn hóa

Một trong những biểu hiện rõ nét nhất trong cộng đồng dân tộc thiểu số là sự suy giảm ngôn ngữ địa phương, vốn là công cụ lưu truyền tri thức và biểu đạt bản sắc văn hóa quan trọng nhất. Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê (2021), khoảng 20% thanh thiếu niên dân tộc thiểu số không sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hàng ngày và nhiều nhóm dân tộc đang có nguy cơ mất ngôn ngữ hoàn toàn trong vòng vài thập niên tới nếu không có các biện pháp can thiệp kịp thời.

Bên cạnh đó, tri thức địa phương - đặc biệt trong các lĩnh vực như nông nghiệp truyền thống, y học dân gian, môi trường và tín ngưỡng dân gian đang đứng trước nguy cơ bị đứt gãy trong quá trình truyền

thừa giữa các thế hệ. Sự gián đoạn này không chỉ là hệ quả của di cư, giáo dục phi song ngữ hay tiếp xúc văn hóa với nhóm chiếm đa số, mà còn do sự suy yếu của các thiết chế xã hội truyền thống như già làng, trưởng bản, thầy cúng, nghệ nhân.

4.1.2. *Biến dạng cấu trúc văn hóa truyền thống*

Quá trình đô thị hóa, tái định cư, di dân kinh tế - xã hội đã làm biến đổi sâu sắc không gian văn hóa truyền thống, nơi mà văn hóa được thực hành, tái tạo và duy trì một cách sống động. Việc phá vỡ mối quan hệ mật thiết giữa không gian sống - cấu trúc xã hội - nghi lễ văn hóa đã dẫn đến sự mất mát không thể đảo ngược của nhiều giá trị mang tính biểu tượng.

Một hiện tượng đáng lưu ý là sự du lịch hóa và trình diễn hóa văn hóa, trong đó có yếu tố văn hóa dân gian bị cắt rời khỏi bối cảnh gốc, chuyển hóa thành sản phẩm tiêu dùng phục vụ thị trường, làm suy giảm tính linh thiêng, chiều sâu biểu tượng và giá trị giáo dục cộng đồng vốn có của chúng. Một số lễ hội truyền thống, nghi thức tâm linh, điệu múa, bài hát, trò chơi dân gian dần bị thương mại hóa và chuẩn hóa bởi đơn vị tổ chức bên ngoài, chưa phản ánh đầy đủ tính đa dạng và năng động của văn hóa sống.

4.1.3. *Gia tăng sự phụ thuộc vào các cơ chế bảo tồn bên ngoài*

Một vấn đề cốt lõi trong thực trạng hiện nay là sự thiếu vắng vai trò chủ thể của cộng đồng trong công cuộc bảo tồn văn hóa, khiến cho không ít chương trình, dự án được triển khai một cách hình thức, không phát huy được hiệu quả bền vững. Phần lớn các hoạt động bảo tồn vẫn được thiết kế, điều phối và đánh giá bởi các tổ chức bên ngoài (cơ quan quản lý nhà nước, dự án phát triển, tổ chức phi chính phủ), trong khi tri thức, nhu cầu và nguyện vọng thực tế của người dân địa phương chưa được lắng nghe đầy đủ.

Có thể nói, thực trạng văn hóa các tộc người thiểu số hiện nay phản ánh một bức tranh nhiều chiều, trong đó một số giá trị truyền thống đang bị thách thức bởi các tác nhân bên ngoài lẫn bên trong cộng đồng. Việc nhìn nhận rõ ràng và toàn diện các biểu hiện này là điều kiện tiên quyết để thiết kế các chính sách, mô hình can thiệp có hiệu quả và đảm bảo rằng, văn hóa tộc người không chỉ được bảo tồn như một "di sản bất động", mà còn được phát triển như một thực thể sống động, linh hoạt và gắn với quyền tự quyết của chính cộng đồng.

4.2. *Nguyên nhân và các yếu tố tác động*

Những biến đổi sâu sắc của văn hóa các tộc người thiểu số không diễn ra một cách ngẫu nhiên hay thuần túy mang tính "tất yếu lịch sử", mà là kết quả của sự tương tác phức tạp giữa các yếu tố nội tại và

ngoại tại. Việc phân tích thấu đáo các nguyên nhân và tác nhân tác động không chỉ có ý nghĩa lý luận trong việc nhận diện vấn đề, mà còn là nền tảng thực tiễn để đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển có tính khả thi và bền vững.

4.2.1. *Toàn cầu hóa*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các cộng đồng dân tộc thiểu số ngày càng bị cuốn vào dòng chảy của các giá trị toàn cầu, chuẩn mực thống trị và văn hóa tiêu dùng đại chúng. Văn hóa tộc người dần bị lấn át bởi các biểu tượng mang tính toàn cầu, đặc biệt trong giới trẻ dẫn đến quá trình đồng hóa văn hóa, làm suy giảm tính đặc thù và địa phương.

4.2.2. *Tác động của chuyển đổi số và truyền thông đại chúng*

Chuyển đổi số và công nghệ truyền thông có thể là "con dao hai lưỡi" đối với văn hóa tộc người. Một mặt, các nền tảng kỹ thuật số mở ra cơ hội chưa từng có để lưu giữ, quảng bá và giáo dục về văn hóa địa phương. Mặt khác, nếu không có chiến lược định hướng rõ ràng, các nền tảng số có thể thúc đẩy gia tăng sự tiếp nhận văn hóa ngoại sinh, đồng thời làm gia tăng khoảng cách tiếp cận công nghệ giữa các nhóm dân tộc thiểu số với nhóm đa số.

Việc số hóa văn hóa nếu không đi kèm với bảo vệ quyền sở hữu tri thức địa phương và sự tham gia của cộng đồng, rất dễ dẫn đến hiện tượng chiếm dụng văn hóa (Cultural Appropriation), trong đó tri thức và biểu tượng văn hóa bị sử dụng mà không có sự đồng thuận hay lợi ích tương xứng dành cho cộng đồng gốc (Byrne, 2014).

4.2.3. *Biến đổi môi trường sống và mô hình sinh kế*

Quá trình tái định cư, di dân do thủy điện, phát triển hạ tầng hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã làm thay đổi không gian sinh thái, xã hội vốn là nền tảng để duy trì các thực hành văn hóa. Nhiều cộng đồng mất đi nơi hành lễ, đất thiêng, rừng cấm hoặc hệ sinh thái gắn với tín ngưỡng và sản xuất truyền thống.

Thêm vào đó, sự chuyển dịch sinh kế sang các ngành nghề mới (như làm thuê, xuất khẩu lao động, du lịch, tiểu thủ công nghiệp) khiến cho người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ dần xa rời hoạt động nông nghiệp tự cung tự cấp và các nghi lễ, thực hành văn hóa gắn liền với chu trình canh tác truyền thống.

4.2.4. *Biến đổi nội sinh từ trong cộng đồng*

Không thể phủ nhận rằng một phần nguyên nhân của sự mai một văn hóa đến từ chính sự biến đổi trong nội tại cộng đồng. Cấu trúc gia đình hạt nhân thay thế gia đình mở truyền thống, mối quan hệ dòng họ lỏng lẻo hơn, vai trò của già làng, nghệ nhân, thầy mo giảm sút; đồng thời, các giá trị văn hóa bị chính một bộ phận người dân đánh giá thấp, xem là "lạc hậu", "cản trở phát triển".

Tâm lý “tự ti văn hóa” (Cultural Inferiority) xuất hiện ở một số nhóm dân tộc thiểu số trong tiếp xúc với nhóm chiếm đa số, làm suy giảm ý thức tự hào, gìn giữ văn hóa và làm chậm quá trình chủ động phục hồi bản sắc.

Những nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi và mai một văn hóa tộc người thiểu số không chỉ bắt nguồn từ tác động bên ngoài (như chính sách, thị trường, công nghệ), mà còn bắt rễ sâu sắc từ những biến đổi nội tại và sự dịch chuyển trong hệ giá trị xã hội - cộng đồng. Do đó, bất kỳ nỗ lực bảo tồn và phát triển nào cũng cần được đặt trong một khung lý luận đa chiều, kết hợp giữa các yếu tố: kinh tế, chính trị, văn hóa, môi trường và công nghệ, với cộng đồng là trung tâm của mọi can thiệp.

4.3. Những thách thức đặt ra trong bảo tồn và phát triển văn hóa tộc người thiểu số trong kỷ nguyên mới

Trong quá trình bảo tồn và phát triển văn hóa các tộc người thiểu số tại Việt Nam, mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực, vẫn còn tồn tại những thách thức lớn mang tính đa tầng và liên ngành. Các thách thức này không chỉ xuất phát từ sự hạn chế về nguồn lực, mà còn từ cách tiếp cận, nhận thức và cơ chế thực hiện, thể hiện qua bốn nhóm vấn đề chính: Thách thức về chủ thể và quyền văn hóa; Thách thức về chính sách; Thách thức trong môi trường kinh tế - xã hội hiện đại; Thách thức trong ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số.

4.3.1. Thách thức về chủ thể và quyền văn hóa

Một trong những thách thức mang tính nền tảng là sự thiếu vắng vai trò chủ thể của cộng đồng tộc người thiểu số trong quá trình hoạch định và thực thi các chương trình bảo tồn văn hóa. Dù cộng đồng được coi là “người sở hữu văn hóa”, nhưng trong nhiều trường hợp, họ không được tham gia vào quá trình ra quyết định, thiết kế nội dung, lựa chọn cách thức bảo tồn, hoặc quản lý tài nguyên văn hóa của chính mình.

Sự thiếu vắng tiếp cận “quyền văn hóa” (Cultural Rights) trong chính sách làm cho bảo tồn văn hóa trở thành quá trình “bên ngoài can thiệp”, thay vì một hành động “từ bên trong kiến tạo”. Điều này dẫn đến hệ quả là nhiều chương trình không phù hợp với nguyện vọng thực tế của cộng đồng, thậm chí có thể làm tái cấu trúc hệ giá trị truyền thống một cách không mong muốn.

4.3.2. Thách thức về chính sách

Mặc dù có nhiều chính sách liên quan đến bảo tồn văn hóa tộc người thiểu số, song sự thiếu đồng bộ giữa các ngành (văn hóa, giáo dục, dân tộc, công nghệ thông tin, du lịch, tài nguyên môi trường) đã tạo ra sự phân mảnh trong quá trình triển khai. Nhiều dự án chỉ giải quyết từng phần, ngắn hạn và thiếu cơ chế phối hợp liên ngành.

4.3.3. Thách thức từ môi trường kinh tế - xã hội hiện đại

Sự thay đổi nhanh chóng của đời sống kinh tế - xã hội đã tạo ra một loạt rào cản đối với việc duy trì các thực hành văn hóa truyền thống như sau: Một là, thế hệ trẻ ngày càng xa rời ngôn ngữ mẹ đẻ, tín ngưỡng truyền thống và tri thức địa phương do ảnh hưởng của giáo dục phổ thông không song ngữ, thiếu nội dung địa phương hóa. Hai là, mô hình sinh kế mới làm đứt gãy mối quan hệ giữa hoạt động sản xuất và thực hành văn hóa, khi văn hóa truyền thống không còn gắn bó hữu cơ với chu kỳ nông nghiệp, môi trường tự nhiên hay đời sống cộng đồng. Ba là, di cư lao động và đô thị hóa đã làm tan rã hoặc thay đổi cấu trúc cư trú - xã hội - nghi lễ, dẫn đến việc suy giảm khả năng truyền thừa và tổ chức các hoạt động văn hóa có tính cộng đồng.

Vì vậy, những thay đổi này tạo nên một khoảng trống văn hóa giữa các thế hệ, khiến cho các nỗ lực bảo tồn gặp khó khăn trong việc kết nối liên tục và bền vững.

4.3.4. Thách thức trong ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, việc số hóa di sản văn hóa tộc người mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít rủi ro. Thiếu hạ tầng công nghệ, năng lực số hạn chế và khoảng cách số giữa các vùng miền khiến cho phần lớn cộng đồng dân tộc thiểu số khó tiếp cận được với các công cụ bảo tồn văn hóa hiện đại như lưu trữ số, bản đồ tri thức, nền tảng học liệu mở bằng tiếng mẹ đẻ...

Mặt khác, các dự án số hóa nếu không đi kèm với cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tập thể và quyền kiểm soát thông tin, có thể dẫn đến hiện tượng khai thác tài nguyên văn hóa một cách phi đạo đức, làm tổn thương cộng đồng hoặc làm sai lệch biểu tượng văn hóa gốc.

Bảo tồn và phát triển văn hóa tộc người thiểu số trong kỷ nguyên mới là một quá trình phức hợp, trong đó thách thức không chỉ nằm ở năng lực thực thi hay thiếu hụt nguồn lực, mà còn xuất phát từ cách thức tiếp cận, tư duy chính sách và cơ chế vận hành liên ngành. Việc giải quyết các thách thức này đòi hỏi sự đổi mới căn bản về nhận thức, đặt cộng đồng làm trung tâm, tích hợp đa ngành và gắn với tiến trình trao quyền văn hóa một cách thực chất.

4.4. Giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững văn hóa các tộc người thiểu số

Để đảm bảo bảo tồn văn hóa các tộc người thiểu số không chỉ dừng lại ở việc lưu giữ các “di tích văn hóa sống”, mà còn tạo điều kiện cho sự phục hồi, tái tạo và phát triển năng động trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, cần thiết phải tiếp cận vấn đề theo hướng hệ thống, đa ngành, đa cấp và dựa

trên quyền văn hóa của cộng đồng. Dưới đây là các nhóm giải pháp trọng tâm:

4.4.1. Đổi mới tư duy và tiếp cận chính sách theo hướng quyền văn hóa và trao quyền cho cộng đồng

Một là, thay đổi tư duy tiếp cận từ “bảo tồn từ bên ngoài” sang “kiến tạo văn hóa từ bên trong”, lấy cộng đồng làm chủ thể trung tâm trong mọi chương trình bảo tồn và phát triển.

Hai là, áp dụng khung tiếp cận “quyền văn hóa” (Cultural Rights) trong hoạch định chính sách, trong đó công nhận quyền được sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, quyền tiếp cận tri thức địa phương, quyền sở hữu tập thể đối với di sản văn hóa phi vật thể và quyền tham gia vào thiết kế các dự án liên quan đến văn hóa.

Ba là, thiết lập cơ chế tham vấn cộng đồng rộng rãi, dân chủ và thực chất trong toàn bộ quá trình từ lập kế hoạch đến triển khai và giám sát các chương trình bảo tồn.

4.4.2. Tăng cường thể chế, khung pháp lý và sự phối hợp liên ngành

Rà soát, sửa đổi và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là tri thức truyền thống địa phương và ngôn ngữ dân tộc thiểu số, theo hướng công nhận quyền sở hữu tập thể và cơ chế bảo vệ luật hóa.

Thứ nhất, thiết lập một cơ quan điều phối liên ngành về bảo tồn văn hóa tộc người thiểu số, tích hợp các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, công nghệ thông tin, dân tộc, môi trường và du lịch.

Thứ hai, xây dựng quy trình đánh giá tác động văn hóa (Cultural Impact Assessment) bắt buộc đối với các dự án phát triển kinh tế - xã hội lớn có khả năng ảnh hưởng đến không gian và thực hành văn hóa tộc người.

4.4.3. Phát triển nguồn lực nội sinh, hỗ trợ thể hệ nghệ nhân, tri thức địa phương

Một là, ban hành chính sách đãi ngộ đặc thù và bền vững đối với nghệ nhân, người truyền dạy văn hóa truyền thống, thầy mo, thầy cúng, nhạc công dân gian..., xem họ là “chủ thể sống của di sản” cần được công nhận và bảo vệ.

Hai là, khuyến khích phát triển lực lượng trí thức địa phương, thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu, học bổng ưu tiên cho con em dân tộc thiểu số học ngành văn hóa, dân tộc học, ngôn ngữ, công nghệ số và truyền thông.

Ba là, thiết lập mạng lưới kết nối liên tộc người nhằm chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi học thuật và phục hồi năng lực văn hóa nội sinh của cộng đồng.

4.4.4. Tích hợp chuyển đổi số trong bảo tồn văn hóa một cách có trách nhiệm

Thứ nhất, triển khai các dự án số hóa di sản phi

vật thể, bản đồ văn hóa, ngân hàng dữ liệu ngôn ngữ và hình ảnh số hóa về nghi lễ, lễ hội, văn học dân gian, tri thức địa phương..., có sự tham gia và đồng thuận của cộng đồng.

Thứ hai, phát triển các nền tảng học liệu mở, trò chơi giáo dục, Video tương tác bằng ngôn ngữ dân tộc nhằm giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ.

Thứ ba, xây dựng khung pháp lý bảo vệ quyền sở hữu và quyền kiểm soát của cộng đồng đối với dữ liệu số hóa di sản văn hóa, tránh hiện tượng khai thác không có sự cho phép hoặc bóp méo nội dung.

4.4.5. Gắn bảo tồn văn hóa với phát triển sinh kế, du lịch bền vững và giáo dục địa phương

Một là, thiết kế các mô hình du lịch cộng đồng dựa trên bản sắc văn hóa, trong đó cộng đồng kiểm soát toàn bộ chuỗi giá trị: từ khâu thiết kế sản phẩm, tổ chức lễ hội, đến quản lý tài chính và phân phối lợi ích.

Hai là, kết hợp bảo tồn văn hóa với phát triển sản phẩm thủ công truyền thống, làng nghề, ẩm thực đặc trưng, gắn với tiêu chuẩn thương hiệu và truy xuất nguồn gốc.

Ba là, tăng cường giáo dục văn hóa dân tộc thiểu số trong trường học, thông qua chương trình song ngữ, giáo trình địa phương hóa và lồng ghép tri thức truyền thống địa phương vào nội dung giảng dạy chính thức.

4.4.6. Tăng cường hợp tác quốc tế, học hỏi kinh nghiệm toàn cầu

Thứ nhất, mở rộng hợp tác với các tổ chức như UNESCO, UNDP, IWGIA, WIPO, cũng như các mạng lưới bảo tồn di sản văn hóa địa phương quốc tế.

Thứ hai, chủ động học hỏi và địa phương hóa các mô hình bảo tồn thành công tại các quốc gia đa dân tộc như Bolivia, Canada, New Zealand, Ấn Độ...

Thứ ba, tham gia tích cực vào các chương trình giao lưu quốc tế về văn hóa địa phương nhằm nâng cao vị thế và khẳng định vai trò của văn hóa tộc người Việt Nam trong bức tranh đa dạng văn hóa toàn cầu.

Việc bảo tồn và phát triển văn hóa các tộc người thiểu số trong kỷ nguyên mới đòi hỏi một chiến lược toàn diện, dài hạn và mang tính liên ngành, trong đó lấy quyền văn hóa, chủ thể cộng đồng và công nghệ thích ứng làm ba trụ cột. Các giải pháp cần được thiết kế không chỉ để lưu giữ quá khứ, mà còn để trao quyền cho hiện tại và mở rộng tương lai, hướng đến một mô hình phát triển bền vững, công bằng và đa dạng văn hóa, phù hợp với xu thế toàn cầu và bản sắc dân tộc.

5. Trao đổi

Phân tích thực trạng, nguyên nhân, thách thức và các giải pháp bảo tồn văn hóa các tộc người thiểu số trong kỷ nguyên mới cho thấy, đây là một quá trình phức hợp, chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố liên ngành, đa chiều và tương tác lẫn nhau. Trên nền tảng đó, phân thảo luận tập trung làm rõ một số điểm then chốt nhằm làm sâu sắc thêm nhận thức và mở rộng góc nhìn về vấn đề.

5.1. Sự phức tạp của bảo tồn văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số

Bảo tồn văn hóa tộc người thiểu số không thể hiểu đơn thuần là việc lưu giữ các giá trị truyền thống theo cách cứng nhắc. Thực tế cho thấy, trong bối cảnh toàn cầu hóa, các nền văn hóa thiểu số đang phải đối mặt với áp lực đồng hóa mạnh mẽ từ văn hóa đa số và toàn cầu. Tuy nhiên, cũng chính bối cảnh này tạo ra những cơ hội chưa từng có để phục hồi và phát triển năng động thông qua công nghệ số, truyền thông đa phương tiện và giao lưu văn hóa đa chiều.

Điều này đặt ra yêu cầu phải có một tiếp cận linh hoạt, dung hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa bảo tồn và đổi mới sáng tạo, để văn hóa tộc người thiểu số không chỉ được bảo vệ, mà còn được làm mới phù hợp với đòi hỏi phát triển xã hội.

5.2. Quyền văn hóa và sự trao quyền cho cộng đồng: Chìa khóa cho sự bền vững

Từ kết quả nghiên cứu trên cho thấy, bảo tồn văn hóa hiệu quả đòi hỏi sự trao quyền thực chất cho cộng đồng tộc người thiểu số, từ quyền quyết định, quản lý đến quyền hưởng lợi từ các tài nguyên văn hóa.

Khung lý thuyết về quyền văn hóa (UNESCO, 2001) nhấn mạnh sự cần thiết của việc công nhận quyền sử dụng, phát triển, chuyển giao và bảo vệ di sản văn hóa trong khuôn khổ quyền con người. Áp dụng khung này trong bối cảnh Việt Nam vừa là thách thức, vừa là cơ hội để tái cấu trúc chính sách và thực hành bảo tồn.

5.3. Thách thức liên ngành và tầm quan trọng của phối hợp quản lý

Văn hóa tộc người thiểu số không chỉ là vấn đề văn hóa thuần túy, mà liên quan mật thiết đến giáo dục, phát triển kinh tế, môi trường sinh thái, công nghệ và các lĩnh vực khác. Sự phân mảnh trong quản lý và thiếu phối hợp giữa các ngành đã làm giảm hiệu quả của các chương trình bảo tồn.

Điều này đòi hỏi một mô hình quản lý liên ngành, đa cấp và linh hoạt, có thể thích ứng với các đặc thù vùng miền và biến động xã hội. Mô hình này cũng cần tạo điều kiện cho sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan, trong đó cộng đồng giữ vai trò chủ đạo.

5.4. Mối quan hệ giữa bảo tồn văn hóa và phát triển bền vững

Phát triển văn hóa tộc người thiểu số không thể tách rời khỏi phát triển bền vững tổng thể của cộng đồng. Khi các giá trị văn hóa được tôn trọng và phát huy, đó cũng là nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với đặc thù địa phương, tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao chất lượng sống.

Các giải pháp như du lịch cộng đồng, phát triển sản phẩm truyền thống, giáo dục địa phương được xem như các “điểm nối” quan trọng giữa bảo tồn và phát triển kinh tế - xã hội, cần được khai thác một cách bền vững, tránh thương mại hóa quá mức hay làm mất cân bằng các giá trị nguyên gốc.

5.5. Hạn chế nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo

Mặc dù, bài viết này đã đề cập đa chiều đến thực trạng, nguyên nhân và giải pháp, vẫn tồn tại một số hạn chế về mặt dữ liệu định lượng và sự đa dạng đại diện các tộc người thiểu số được khảo sát sâu.

Hướng nghiên cứu tiếp theo nên tập trung vào việc thu thập dữ liệu thực nghiệm đa phương pháp, bao gồm nghiên cứu trường hợp chi tiết, phân tích mạng lưới xã hội, đánh giá tác động văn hóa, kinh tế của các chương trình bảo tồn, cũng như khảo sát nhận thức của thế hệ trẻ về văn hóa địa phương.

Bên cạnh đó, việc nghiên cứu các mô hình quản lý bảo tồn thành công trên thế giới và thử nghiệm các cơ chế trao quyền mới tại địa phương sẽ góp phần làm phong phú và cụ thể hóa các đề xuất chính sách.

Thảo luận trên cho thấy, bảo tồn và phát triển văn hóa các tộc người thiểu số trong kỷ nguyên mới là một nhiệm vụ phức tạp, đòi hỏi sự tiếp cận đa chiều, tích hợp các giá trị truyền thống với sự đổi mới công nghệ và xã hội. Thành công của các nỗ lực này phụ thuộc vào việc xây dựng được các cơ chế trao quyền cho cộng đồng, phối hợp liên ngành hiệu quả và phát triển bền vững dựa trên bản sắc văn hóa đặc thù.

6. Kết luận

Bảo tồn và phát triển văn hóa các tộc người thiểu số trong kỷ nguyên mới là một nhiệm vụ chiến lược mang tính cấp thiết, vừa góp phần gìn giữ di sản văn hóa đa dạng của quốc gia, vừa thúc đẩy phát triển bền vững, hài hòa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Nghiên cứu này đã làm rõ thực trạng đa chiều của văn hóa tộc người thiểu số hiện nay, đồng thời chỉ ra các nguyên nhân sâu xa và những thách thức phức tạp liên quan đến chính sách, biến động xã hội, kinh tế và chuyển đổi số.

Từ đó, bài báo đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện bao gồm đổi mới tư duy tiếp cận bảo tồn theo hướng trao quyền cho cộng đồng, hoàn thiện khung pháp lý và thể chế quản lý liên ngành, phát triển

nguồn lực nội sinh, ứng dụng khoa học và công nghệ số một cách có trách nhiệm, gắn bảo tồn văn hóa với phát triển sinh kế và giáo dục địa phương, cùng việc tăng cường hợp tác quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả và bền vững của các nỗ lực bảo tồn.

Thực tiễn cho thấy, thành công trong bảo tồn văn hóa tộc người thiểu số không chỉ là việc bảo vệ các giá trị truyền thống, mà còn là quá trình kiến tạo văn

hóa mới, góp phần làm phong phú đời sống xã hội, củng cố bản sắc dân tộc và thúc đẩy sự phát triển hài hòa, đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Vì vậy, cần tiếp tục đầu tư nghiên cứu sâu hơn, thiết kế các chính sách mang tính đặc thù và linh hoạt, cũng như tạo dựng cơ chế tham gia rộng rãi của cộng đồng trong mọi giai đoạn của quá trình bảo tồn và phát triển.

Tài liệu tham khảo

- Vạn, Đ.N.(2003). *Các dân tộc ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Hùng, L.(2009). *Tộc người và văn hóa tộc người ở Việt Nam*. Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- Hiền, N.T.(2019). *Bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể trong bối cảnh phát triển bền vững*. Tạp chí Văn hóa Dân gian.
- Huy, N.V.(2016). *Văn hóa dân tộc thiểu số Việt Nam: Bảo tồn và phát triển*. Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- Huy, N.V.(2016). *Di sản và phát triển: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn bảo tồn di sản văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam*. Tạp chí Dân tộc học.
- Tú, P.A.(2022). *Ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Thông tin và Phát triển.
- Sơn, T.H.(2012). *Văn hóa dân gian các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc - Bảo tồn và phát triển*. Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- Hà, T.T T.(2021). *Tiếp cận quyền văn hóa trong phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam.
- Chi, T.(1996). *Văn hóa và người Việt*. Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- Berkes, F.(2012). *Sacred Ecology: Traditional Ecological Knowledge and Resource Management* (3rd ed.). Routledge.
- Byrne, D.(2014). *Counterheritage: Critical Perspectives on Heritage Conservation in Asia*. Routledge.
- Chambers, R.(1997). *Whose Reality Counts? Putting the First Last*. Intermediate Technology Publications.
- Geertz, C.(1973). *The Interpretation of Cultures: Selected Essays*. Basic Books.
- Hall, S.(1996). *Cultural Identity and Diaspora*. In P. Mongia (Ed.), *Contemporary Postcolonial Theory* (pp.110-121). Arnold.
- Posey, D.A.(1999). *Cultural and Spiritual Values of Biodiversity*. UNEP/Intermediate Technology Publications.
- Sen, A.(1999). *Development as Freedom*. Oxford University Press.
- Smith, L.(2006). *Uses of Heritage*. Routledge.
- UNESCO (2001). *Universal Declaration on Cultural Diversity*. Paris: United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.
- Waterton, E.(2010). *Politics, Policy and the Discourses of Heritage in Britain*. Palgrave Macmillan.
- World Bank.(2022). *Social Inclusion and Ethnic Minorities in Development: A Global Perspective*. Washington, D.C.: World Bank Publications.

**BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA
CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG KỶ NGUYÊN MỚI**

Nguyễn Duy Dũng^a

Hoàng Đức Thành^b

^aTạp chí Nghiên cứu Dân tộc và Tôn giáo,
Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Email: dungnd@hvd.edu.vn

^bHọc viện Quốc phòng, Bộ Quốc phòng

Email: thanhanh481@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận bài: 06/7/2025

Ngày phản biện: 26/7/2025

Ngày tác giả sửa: 20/8/2025

Ngày duyệt đăng: 23/9/2025

Ngày phát hành: 30/9/2025

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.p2025.v1.i3.a55>

^aORCID iD: <https://orcid.org/0009-0003-2881-4567>

^bORCID iD: <https://orcid.org/0009-0008-5540-3727>

Tóm tắt:

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số ngày càng sâu rộng, văn hóa các dân tộc thiểu số đang đứng trước những thách thức. Một mặt, quá trình hiện đại hóa mang đến cơ hội giao lưu, phát triển; mặt khác, nó cũng đặt ra nguy cơ mai một, đồng hóa hoặc thậm chí biến mất của không ít giá trị văn hóa truyền thống. Bài viết này nhằm phân tích thực trạng, chỉ ra các yếu tố tác động đến việc bảo tồn và phát triển văn hóa của các dân tộc thiểu số trong kỷ nguyên mới, đồng thời đề xuất một số giải pháp có tính khả thi và bền vững.

Từ khóa: Bảo tồn văn hóa; Phát triển văn hóa; Các dân tộc thiểu số; Kỷ nguyên mới.